TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-9-2023.
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Khắc Hiếu;

Ông Lê Nhật Hoàng Phương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Thái Đức Duy, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Lương Công Trứ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 300/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1985; cư trú tại: thôn P, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1974; cư trú tại: số M đường N, Phường K, thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 28/6/2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày: chị và anh Trần Văn T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân Phường K, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian khoảng bốn năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp; anh T mượn tiền của mẹ chị để làm ăn nhưng không trả, khi mẹ chị đòi thì đánh; không minh bạch về tài sản chung của vợ chồng. Do vậy, chị đã về nhà mẹ đẻ sinh sống và hai người sống ly thân từ tháng

6/2023 đến nay. Nay, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Có hai con chung là Trần Tuệ T, sinh ngày 26/4/2014 và Trần Minh T, sinh ngày 11/12/2016, hai con hiện đang ở với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Bị đơn anh Trần Văn T đã được Toà án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

Do vắng mặt bị đơn nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt là không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xin ly hôn với bị đơn. Về con chung: giao hai con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị P và bị đơn anh Trần Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2013 tại Uỷ ban nhân dân Phường K, thành phố T, tỉnh Phú Yên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, nguyên đơn và bị đơn sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp; nay nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn. Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn không còn sống chung với nhau từ tháng 6/2023, không còn yêu thương, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau là không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng dẫn đến hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có hai con là Trần Tuệ T, sinh ngày 26/4/2014 và Trần Minh T, sinh ngày 11/12/2016, các con hiện nay đang ở với nguyên đơn. Ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con là phù hợp với nguyện vọng của cháu T và đúng quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao hai con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng; nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí:

Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con Trần Tuệ T, sinh ngày 26/4/2014 và Trần Minh T, sinh ngày 11/12/2016 cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng; bị đơn anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai số 0009875 ngày 18/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- UBND Phường K, TP. T;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hoà
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Khánh Thoa